

Được TC-tee  
nhóm LO  
+ Coats (đ) tự  
Trang XEB - mục xấp dục  
hủy Chẩn

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ QUỐC GIA  
HỒ CHÍ MINH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

TRƯỜNG CHÍNH TRỊ T. LAI C.  
ĐẾN số 280  
Ngày 21/5/2024  
Chuyên BI & TÀI

Số 61 -HD/HVCTQG

Hà Nội, ngày 17 tháng 5 năm 2024

### HƯỚNG DẪN

Quy trình công nhận trường chính trị chuẩn và cụ thể hóa một số nội dung của Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư về trường chính trị chuẩn

Căn cứ Quyết định số 145-QĐ/TW ngày 08/8/2018 của Bộ Chính trị về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quy định số 09-QĐi/TW ngày 13/11/2018 của Ban Bí thư về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư về trường chính trị chuẩn (Quy định số 11-QĐ/TW),

Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh hướng dẫn trình tự, thủ tục, hồ sơ thẩm định, công nhận trường chính trị đạt chuẩn và cụ thể hóa một số tiêu chí của Quy định số 11-QĐ/TW như sau:

### Chương I. QUY TRÌNH CÔNG NHẬN TRƯỜNG CHÍNH TRỊ CHUẨN

#### Điều 1. Tự đánh giá trường chính trị đạt chuẩn

##### 1. Xây dựng kế hoạch tự đánh giá trường chính trị đạt chuẩn

Trường chính trị xây dựng kế hoạch tự đánh giá mức độ đạt chuẩn, trong đó xác định rõ mục đích, yêu cầu, nội dung công việc cần triển khai, các nguồn lực thực hiện, thời gian, tiến độ hoàn thành, phân công nhiệm vụ cho các tập thể, cá nhân.

##### 2. Thành lập Hội đồng tự đánh giá trường chính trị đạt chuẩn

a) Hiệu trưởng quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá trường chính trị đạt chuẩn (gọi là Hội đồng tự đánh giá cấp trường).

b) Thành phần Hội đồng gồm: các đồng chí trong ban giám hiệu, các trưởng khoa, phòng, đại diện Công đoàn trường.

##### c) Hội đồng có nhiệm vụ, quyền hạn:

- Tư vấn, tham mưu cho hiệu trưởng trong tự đánh giá trường chính trị đạt chuẩn.
- Kiểm tra hồ sơ minh chứng và hiện trạng cơ sở vật chất của trường.
- Đánh giá mức đạt chuẩn theo từng tiêu chí.

d) Hội đồng làm việc khi có đủ 3/4 số thành viên trở lên dự họp.

d) Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số. Trường được đánh giá đạt chuẩn khi có từ 2/3 số thành viên Hội đồng trở lên đánh giá đạt chuẩn.

e) Thành viên Hội đồng đánh giá các tiêu chí trường chính trị chuẩn theo biểu mẫu do Học viện quy định (chuẩn mức 1 theo biểu số 1, chuẩn mức 2 theo biểu số 2).

g) Hội đồng ban hành kết luận về kết quả đánh giá mức độ đạt chuẩn của trường.

3. Thành lập Tổ giúp việc Hội đồng tự đánh giá trường chính trị đạt chuẩn

a) Hiệu trưởng quyết định thành lập Tổ giúp việc Hội đồng tự đánh giá trường chính trị đạt chuẩn.

b) Nhiệm vụ của Tổ giúp việc:

- Thu thập, rà soát, hệ thống hóa minh chứng theo tiêu chí trường chính trị chuẩn.

- Xây dựng báo cáo tự đánh giá trường chính trị đạt chuẩn. Kết quả đánh giá chi tiết của từng tiêu chí trường chính trị chuẩn: danh mục quy chế, quy định; thống kê số liệu: đội ngũ cán bộ, viên chức, hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, hoạt động nghiên cứu khoa học; số liệu về kết quả xây dựng văn hoá trường Đảng, thực hiện kỷ luật, kỷ cương; số liệu về cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật, tài chính.

- Hoàn thiện hồ sơ đề nghị công nhận trường chính trị đạt chuẩn.

## **Điều 2. Hội đồng đánh giá trường chính trị đạt chuẩn của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương**

1. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đề nghị của trường chính trị cấp tỉnh, Thường trực tỉnh ủy/thành ủy thành lập Hội đồng đánh giá trường chính trị đạt chuẩn của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi là Hội đồng đánh giá cấp tỉnh).

2. Thành phần Hội đồng gồm:

a) Đại diện Thường trực tỉnh ủy/thành ủy - Chủ tịch Hội đồng;

b) Đại diện lãnh đạo Văn phòng tỉnh ủy/thành ủy - Ủy viên thư ký;

c) Đại diện lãnh đạo Ban Tổ chức tỉnh ủy/thành ủy, Ban Tuyên giáo tỉnh ủy/thành ủy, Ủy ban nhân dân, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Xây dựng, hiệu trưởng trường chính trị - Ủy viên.

3. Hội đồng có nhiệm vụ, quyền hạn:

a) Tư vấn, tham mưu cho Thường trực tỉnh ủy/thành ủy trong đánh giá trường chính trị chuẩn.

b) Rà soát, kiểm tra hồ sơ, minh chứng.

c) Kiểm tra thực tế tại trường.

d) Đánh giá mức đạt chuẩn theo từng tiêu chí.

4. Hội đồng làm việc khi có đủ 3/4 số thành viên trở lên dự họp.

5. Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số. Trường được đánh giá đạt chuẩn khi có từ 2/3 số thành viên Hội đồng trở lên đánh giá đạt chuẩn.

6. Thành viên Hội đồng đánh giá các tiêu chí trường chính trị chuẩn theo biểu mẫu do Học viện quy định (chuẩn mức 1 theo biểu số 1, chuẩn mức 2 theo biểu số 2).

7. Hội đồng ban hành kết luận về kết quả đánh giá mức độ đạt chuẩn của trường.

8. Thời hạn thẩm định là 30 ngày kể từ ngày ký Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá cấp tỉnh.

### **Điều 3. Xét công nhận trường chính trị đạt chuẩn**

1. Tiếp nhận hồ sơ đề nghị công nhận trường chính trị đạt chuẩn

a) Hồ sơ đề nghị công nhận trường chính trị đạt chuẩn gồm:

- Tờ trình đề nghị Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh (sau đây gọi tắt là Học viện) xét công nhận trường chính trị chuẩn của Thường trực tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương.

- Quyết định thành lập Hội đồng đánh giá cấp tỉnh.

- Biên bản họp Hội đồng đánh giá cấp tỉnh.

- Kết luận của Hội đồng đánh giá cấp tỉnh.

- Báo cáo tự đánh giá mức độ đạt chuẩn của trường, có xác nhận của Thường trực tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương. Kết quả đánh giá chi tiết của từng tiêu chí trường chính trị chuẩn (theo phụ lục 1).

- Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá cấp trường.

- Quyết định thành lập Tổ giúp việc Hội đồng tự đánh giá cấp trường.

- Biên bản họp Hội đồng tự đánh giá cấp trường.

- Kết luận của Hội đồng tự đánh giá cấp trường.

b) Hồ sơ đề nghị công nhận trường chính trị đạt chuẩn gửi về Học viện (qua Vụ Các trường chính trị).

c) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Học viện tiếp nhận hồ sơ đề nghị công nhận trường chính trị đạt chuẩn, Vụ Các trường chính trị hoàn thành kiểm tra, rà soát hồ sơ.

d) Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện để tổ chức thẩm định, Vụ Các trường chính trị trình Giám đốc Học viện ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định trường chính trị đạt chuẩn (gọi là Hội đồng thẩm định cấp Trung ương).

đ) Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện để tổ chức thẩm định, Vụ Các trường chính trị báo cáo và Giám đốc Học viện có văn bản đề nghị tỉnh ủy (thành ủy) hoàn thiện hồ sơ.

2. Hội đồng thẩm định cấp Trung ương

a) Thành lập Hội đồng

Giám đốc Học viện quyết định thành lập Hội đồng thẩm định cấp Trung ương.

Hội đồng có từ 9 đến 11 thành viên, gồm:

- Giám đốc Học viện - Chủ tịch Hội đồng;

- 01 Phó Giám đốc Học viện - Phó Chủ tịch Hội đồng;

- Đại diện lãnh đạo Ban Tổ chức Trung ương - Ủy viên;

- Đại diện lãnh đạo Ban Tuyên giáo Trung ương - Ủy viên;

- Đại diện lãnh đạo Bộ Nội vụ - Ủy viên;

- Vụ trưởng Vụ Các trường chính trị, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Ủy viên thường trực;

- Thành viên khác do Giám đốc Học viện quyết định.

## b) Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng

- Thẩm tra hồ sơ, kiểm tra thực tế tại trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đề nghị xét công nhận đạt chuẩn.

- Hội đồng làm việc khi có đủ 3/4 số thành viên trở lên dự họp.

- Hội đồng làm việc theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số. Trường được đánh giá đạt chuẩn khi có từ 2/3 số thành viên Hội đồng trở lên đánh giá đạt chuẩn.

- Thành viên Hội đồng đánh giá các tiêu chí trường chính trị chuẩn theo biểu mẫu do Học viện quy định (chuẩn mức 1 theo biểu số 1, chuẩn mức 2 theo biểu số 2).

- Hội đồng ban hành kết luận về kết quả đánh giá mức độ đạt chuẩn của trường và báo cáo kết quả thẩm định với Giám đốc Học viện.

- Hội đồng được sử dụng con dấu của Học viện.

## c) Tổ giúp việc của Hội đồng

Giám đốc Học viện quyết định thành lập Tổ giúp việc của Hội đồng thẩm định gồm 1 đồng chí Phó Vụ trưởng Vụ Các trường chính trị (Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh) làm Tổ trưởng; một số chuyên viên của Vụ Các trường chính trị và các đơn vị liên quan. Tổ giúp việc thực hiện các nhiệm vụ do Hội đồng phân công.

## d) Thời hạn thẩm định

Thời hạn thẩm định là 30 ngày kể từ ngày ký Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định.

## 3. Quyết định công nhận trường chính trị chuẩn

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Hội đồng thẩm định báo cáo kết quả thẩm định, Giám đốc Học viện ban hành Quyết định công nhận trường chính trị chuẩn. Trường hợp trường không đạt chuẩn, Giám đốc Học viện có văn bản trả lời tình ủy/thành ủy đã đề nghị công nhận chuẩn.

## 4. Công bố trường chính trị chuẩn

Học viện phối hợp với Thường trực tỉnh ủy/thành ủy tổ chức Lễ công bố Quyết định công nhận trường chính trị đạt chuẩn trang trọng, tiết kiệm, hiệu quả.

**Điều 4. Rà soát, kiểm tra việc duy trì tiêu chí trường chính trị chuẩn**

1. Vào tuần cuối của tháng 12 hằng năm, các trường chính trị đã được công nhận đạt chuẩn có văn bản báo cáo tỉnh ủy, thành ủy và Giám đốc Học viện kết quả duy trì chỉ tiêu, tiêu chí chuẩn.

2. Định kỳ 5 năm kể từ ngày công nhận đạt chuẩn hoặc đột xuất, Giám đốc Học viện thành lập đoàn kiểm tra việc duy trì tiêu chí trường chính trị chuẩn đối với trường chính trị đã được công nhận đạt chuẩn.

**Điều 5. Thu hồi quyết định công nhận trường chính trị chuẩn**

1. Giám đốc Học viện xem xét thu hồi Quyết định và Bằng công nhận trường chính trị chuẩn đối với những trường không duy trì được các chỉ tiêu đạt chuẩn.

## 2. Thủ tục thu hồi quyết định công nhận chuẩn

a) Trên cơ sở báo cáo rà soát hằng năm của các trường hoặc báo cáo của đoàn kiểm tra về việc duy trì tiêu chí trường chính trị chuẩn, Giám đốc Học viện thành lập Hội đồng xét thu hồi quyết định công nhận trường chính trị chuẩn. Hội đồng có từ 5 đến 7 thành viên, gồm:

- Giám đốc Học viện - Chủ tịch Hội đồng;
- 01 Phó Giám đốc Học viện - Phó Chủ tịch Hội đồng;
- Vụ trưởng Vụ Các trường chính trị - Ủy viên thường trực;
- Thành viên khác do Giám đốc Học viện quyết định.

b) Giám đốc Học viện ra quyết định thu hồi không qua Hội đồng đối với trường chính trị có Ban Chấp hành Đảng bộ trường bị kỷ luật.

c) Dự thảo Quyết định thu hồi quyết định công nhận chuẩn được công khai trên Công thông tin điện tử Học viện và Trang thông tin điện tử của trường trong 7 ngày trước khi được trình ký ban hành.

## **Chương II. CỤ THỂ HÓA MỘT SỐ NỘI DUNG CỦA QUY ĐỊNH SỐ 11-QĐ/TW**

### **Điều 6. Tiêu chí: Đội ngũ cán bộ, viên chức**

1. Chỉ tiêu: "Lãnh đạo khoa chỉ đạo, đề xuất thành công ít nhất 03 đề tài khoa học cấp trường trở lên" (Điểm c, khoản 3, Điều 7)

Trong 5 năm, lãnh đạo của mỗi khoa (trưởng khoa hoặc phó trưởng khoa) chỉ đạo, đề xuất và thực hiện thành công ít nhất 03 đề tài khoa học cấp trường trở lên.

2. Chỉ tiêu: "Có trình độ cao cấp lý luận chính trị (hoặc tương đương)" (Điểm a, khoản 2; Điểm b khoản 3; Điểm a khoản 4; Điểm c, khoản 5, Điều 7)

Cán bộ, viên chức được xác định có trình độ cao cấp lý luận chính trị (hoặc tương đương) khi có một trong các văn bằng, giấy tờ sau: bằng tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị; bằng tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị - hành chính; bằng tốt nghiệp cử nhân chính trị; giấy xác nhận tương đương trình độ cao cấp lý luận chính trị của cơ quan có thẩm quyền.

3. Chỉ tiêu: "Đội ngũ giảng viên (cơ hữu và kiêm nhiệm) có tỉ lệ ít nhất 75% tổng số đội ngũ cán bộ, viên chức (chuẩn mức 1), 80% tổng số đội ngũ cán bộ, viên chức (chuẩn mức 2)". (Điểm a khoản 5 Điều 7 và điểm a khoản 4 Điều 13)

Tổng số cán bộ, viên chức của trường để tính tỷ lệ này là những người thuộc biên chế, không bao gồm lao động hợp đồng.

4. Chỉ tiêu: "Ít nhất 60% giảng viên giữ ngạch giảng viên chính (viên chức hạng II) hoặc tương đương trở lên" (Điểm e, khoản 5, Điều 7)

Tổng số giảng viên của trường để tính tỷ lệ này là những giảng viên đã đủ điều kiện về thời gian giữ ngạch giảng viên (viên chức hạng III) để được thi, xét thăng hạng giảng viên chính (viên chức hạng II).

5. Chỉ tiêu: "Giữ ngạch giảng viên cao cấp hoặc tương đương (hoặc có trình độ quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng I)". (Điểm b khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 13)

a) Chuyên viên giữ ngạch chuyên viên cao cấp được tính tương đương giảng viên giữ ngạch giảng viên cao cấp.

b) Giảng viên, chuyên viên có chứng chỉ quản lý nhà nước chương trình bồi dưỡng đối với công chức ngạch chuyên viên cao cấp và tương đương; hoặc có bằng tốt nghiệp cao cấp lý luận chính trị - hành chính; hoặc giảng viên có chứng chỉ bồi dưỡng giảng viên cao cấp (hạng I); hoặc chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp giảng viên đại học được tính tương đương có trình độ quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng I.

**Điều 7. Tiêu chí: Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng**

Chỉ tiêu: "Thực hiện đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng về chương trình, học viên, giảng viên, cơ sở vật chất, khóa bồi dưỡng, hiệu quả sau đào tạo, bồi dưỡng" (Khoản 4, Điều 8 và khoản 3 Điều 14)

1. Việc đánh giá chất lượng đào tạo thực hiện theo quy định của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

2. Việc đánh giá chất lượng bồi dưỡng thực hiện theo quy định của Bộ Nội vụ.

**Điều 8. Tiêu chí: Hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn (Điều 9, Điều 15)**

1. Về đề tài

a) Các nhiệm vụ được tính tương đương đề tài khoa học cấp tỉnh bao gồm: Đề án, dự án, nhiệm vụ tổng kết thực tiễn do trường tham mưu trình Thường trực tỉnh ủy/thành ủy, ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; đề án, dự án, các nhiệm vụ khoa học, tổng kết thực tiễn do các ban, bộ, ngành Trung ương giao cho trường chính trị thực hiện có kết quả nghiệm thu ở mức đạt trở lên (trừ hội thảo, tọa đàm khoa học).

b) Trường hợp số lượng đề tài vượt chỉ tiêu chuẩn thì mỗi đề tài vượt chỉ tiêu chuẩn được quy đổi 1 lần như sau:

- 1 đề tài khoa học cấp quốc gia được tính 2 đề tài khoa học cấp tỉnh; hoặc 4 đề tài khoa học cấp trường.

- 1 đề tài khoa học cấp tỉnh hoặc nhiệm vụ khoa học tương đương cấp tỉnh được tính 2 đề tài khoa học cấp trường.

2. Về hội thảo

a) Trường chính trị cấp tỉnh chủ trì hoặc tham mưu cho tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương tổ chức hội thảo, tọa đàm khoa học cấp nào thì được tính tương đương hội thảo khoa học, tọa đàm khoa học cấp đó.

b) Trường hợp số lượng hội thảo vượt chỉ tiêu chuẩn thì mỗi hội thảo vượt chỉ tiêu chuẩn được quy đổi 1 lần như sau:

- 1 hội thảo khoa học quốc tế được tính 1 hội thảo khoa học cấp tỉnh.

- 1 hội thảo khoa học cấp quốc gia được tính 2 hội thảo cấp tỉnh.

- 1 hội thảo cấp bộ, cấp tỉnh được tính 2 hội thảo cấp trường.

3. Về xuất bản sách chuyên khảo, tham khảo

a) Đối với chuẩn mức 1, sách chuyên khảo, tham khảo phải có nhà xuất bản.

b) Đối với chuẩn mức 2, sách chuyên khảo, tham khảo phải có mã số sách tiêu chuẩn quốc tế (mã số ISBN), được xuất bản tại nhà xuất bản có chức năng xuất bản các ấn phẩm và tài liệu về lý luận chính trị, khoa học hành chính, quản lý nhà nước, pháp luật, kinh tế, khoa học xã hội, nhân văn, an ninh, quốc phòng.

c) Sách do cán bộ, giảng viên, viên chức của trường làm chủ biên được tính là sách tham khảo, chuyên khảo nếu được xuất bản từ kết quả nghiên cứu khoa học của nhà trường.

**Điều 9. Tiêu chí: Xây dựng văn hóa trường Đảng, thực hiện kỷ luật, kỷ cương**  
Chi tiêu: "Hàng năm, trường được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ".

(Khoản 3 Điều 16)

Cờ thi đua cấp tỉnh, cấp bộ trở lên; bằng khen của ban thường vụ tỉnh ủy/thành ủy, của chủ tịch UBND cấp tỉnh, của bộ trưởng và tương đương trở lên (hàng năm hoặc giai đoạn) được tính tương đương hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ theo năm hoặc giai đoạn tương ứng.

### Chương III. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

#### Điều 10. Hiệu lực thi hành

Hướng dẫn này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Hướng dẫn số 381-HD/HVCTQG ngày 06/9/2021 của Giám đốc Học viện hướng dẫn quy trình công nhận trường chính trị chuẩn và cụ thể hóa một số nội dung của Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư về trường chính trị chuẩn.

#### Điều 11. Tổ chức thực hiện và trách nhiệm thi hành

1. Vụ Các trường chính trị chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện; chủ trì tham mưu cho Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chỉnh sửa, bổ sung khi cần thiết.

2. Chánh Văn phòng Học viện, Vụ trưởng Vụ Các trường chính trị, hiệu trưởng trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và thủ trưởng đơn vị có liên quan có nhiệm vụ phổ biến và tổ chức thực hiện Hướng dẫn này./.

#### Nơi nhận:

- Ban Giám đốc (để chỉ đạo);
- Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Nội vụ (để phối hợp chỉ đạo),
- Thường trực tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương (để phối hợp chỉ đạo),
- Ban Giám hiệu các trường chính trị cấp tỉnh (để thực hiện),
- Lưu: VT, Vụ CTCT.



**Nguyễn Xuân Thắng**

**Biểu số 1**

**Mẫu kết quả đánh giá các tiêu chí trường chính trị chuẩn mức 1**  
*(ban hành kèm theo Hướng dẫn số 61 -HD/HVCTQG ngày 17/5/2024*  
*của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)*

TỈNH ỦY/THÀNH ỦY.....  
 TRƯỜNG CHÍNH TRỊ.....

\*

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

....., ngày ... tháng ... năm ...

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ TRƯỜNG CHÍNH TRỊ CHUẨN MỨC 1**

| TT        | Chỉ tiêu cụ thể  | Đánh giá đạt chuẩn | Số liệu cụ thể  | Các minh chứng kèm theo   |
|-----------|--|--------------------|---|---|
| (1)       | (2)  | (3)                | (4)   | (5)   |
| <b>I</b>  | <b>Thể chế, quy định (Điều 6, Quy định 11-QĐ/TW)</b>   |                    |   |   |
| 1         | Có đầy đủ các quy chế, quy định cụ thể hóa văn bản của Trung ương, địa phương bảo đảm tính hệ thống, đồng bộ, kịp thời, khả thi, không trái với văn bản của cấp trên và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.  |                    | Danh mục tên quy định, quy chế...   | Bản sao các quy chế, quy định do nhà trường ban hành.   |
| <b>II</b> | <b>Đội ngũ cán bộ, viên chức (Điều 7, Quy định 11-QĐ/TW)</b>   |                    |   |   |
| 1         | Đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện đối với chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm theo quy định của Đảng và Nhà nước.   |                    | - Số biên chế được quy định<br>- Số liệu biên chế thực tế (chi tiết đến từng khoa, phòng) | - Văn bản quy định của cấp có thẩm quyền về chỉ tiêu biên chế của trường.<br>- Danh sách cán bộ của trường có trích ngang thông tin về chức vụ, chức danh công tác, ngạch viên chức, trình độ lý luận chính trị, trình độ chuyên môn, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển. |
| 2         | <b>Lãnh đạo trường</b>   |                    |   |   |
| 2.1       | Trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên về khoa học chính trị, khoa học quản lý hoặc khoa học xã hội và nhân văn. Hiệu trưởng hoặc phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn có trình độ tiến sĩ về khoa học chính trị, khoa học quản lý hoặc khoa học xã hội và nhân văn. |                    | Số liệu thống kê  | - Bảng kê danh sách họ tên, ngạch, trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị, các văn bằng, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực, chứng  |



| TT       | Chỉ tiêu cụ thể   | Đánh giá đạt chuẩn | Số liệu cụ thể   | Các minh chứng kèm theo  |
|----------|---|--------------------|------------------|--|
| (1)      | (2)   | (3)                | (4)              | (5)  |
| 2.2      | Trình độ Cao cấp Lý luận chính trị (hoặc tương đương).  |                    | Số liệu thống kê | <p>chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển.</p> <p>- Bản sao các văn bằng tốt nghiệp, chứng chỉ có chứng thực.</p> <p>- Quyết định nâng ngạch, bậc.</p>  |
| 2.3      | Giữ ngạch giảng viên chính (viên chức hạng II) hoặc tương đương trở lên.  |                    | Số liệu thống kê |  |
| 2.4      | Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc phương pháp dạy học tích cực hoặc bằng tốt nghiệp đại học sư phạm.  |                    | Số liệu thống kê |  |
| 2.5      | Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.   |                    | Số liệu thống kê |  |
| 2.6      | Người đứng đầu được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 05 năm liên tục. Có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực quản lý và kinh nghiệm hoạt động thực tiễn. |                    | Số liệu thống kê | Quyết định đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại đảng viên hằng năm trong 05 năm liên tục của người đứng đầu.  |
| <b>3</b> | <b>Trường khoa, phó trưởng khoa</b>   |                    |                  |  |
| 3.1      | Có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên về khoa học chính trị, khoa học quản lý hoặc khoa học xã hội và nhân văn.   |                    | Số liệu thống kê | <p>- Bảng kê danh sách họ tên, ngạch, trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị, các văn bằng, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển.</p> <p>- Bản sao các văn bằng tốt nghiệp, chứng chỉ có chứng thực.</p> <p>- Quyết định nâng ngạch, bậc.</p> |
| 3.2      | Trình độ Cao cấp Lý luận chính trị (hoặc tương đương).  |                    | Số liệu thống kê |  |
| 3.3      | Giữ ngạch giảng viên chính (viên chức hạng II) hoặc tương đương trở lên.  |                    | Số liệu thống kê |  |
| 3.4      | Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc phương pháp dạy học tích cực hoặc bằng tốt nghiệp đại học sư phạm.  |                    | Số liệu thống kê |  |
| 3.5      | Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.   |                    | Số liệu thống kê |  |
| 3.6      | Đề xuất thành công ít nhất 03 đề tài khoa học cấp trường trở lên.   |                    | Số liệu thống kê | Văn bản đề xuất, thuyết minh đề tài khoa học của khoa trình lãnh đạo trường và quyết định giao đề tài khoa học của cấp có thẩm quyền (cấp trường, cấp tỉnh, cấp bộ).   |
| 3.7      | Người đứng đầu được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 05 năm liên tục. Có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực quản lý và kinh nghiệm hoạt động thực tiễn. |                    | Số liệu thống kê | Quyết định đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại đảng viên trong 05 năm liên tục của người đứng đầu.   |
| <b>4</b> | <b>Trưởng phòng, phó trưởng phòng</b>   |                    |                  |  |
| 4.1      | Có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên về khoa học chính trị, khoa học quản lý hoặc khoa học xã hội và nhân văn.   |                    | Số liệu thống kê | <p>Bảng kê danh sách họ tên, ngạch, trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị, các văn bằng, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển...</p>   |
| 4.2      | Trình độ Cao cấp Lý luận chính trị (hoặc tương đương).  |                    | Số liệu thống kê |  |
| 4.3      | Giữ ngạch giảng viên chính (viên chức hạng II) hoặc tương đương trở lên.  |                    | Số liệu thống kê |  |

| TT   | Chỉ tiêu cụ thể   | Đánh giá đạt chuẩn | Số liệu cụ thể                              | Các minh chứng kèm theo   |
|------|---|--------------------|---|---|
| (1)  | (2)   | (3)                | (4)   | (5)   |
|      |   |                    |   | - Bản sao các văn bằng tốt nghiệp, chứng chỉ có chứng thực.<br>- Quyết định nâng ngạch, bậc.  |
| 4.4  | Tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các đề án, kế hoạch, chương trình...   |                    | Số liệu thống kê, danh mục tên đề án, dự án | - Văn bản đề xuất, thuyết minh, và quyết định phê duyệt đề án, kế hoạch, chương trình... của cơ quan có thẩm quyền<br>- Báo cáo kết quả triển khai thực hiện đề tài, đề án, chương trình, kế hoạch.   |
| 4.5  | Người đứng đầu có 05 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 05 năm liên tục. Có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực và kinh nghiệm hoạt động thực tiễn. |                    | Số liệu thống kê                            | Quyết định đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại đảng viên trong 05 năm liên tục của người đứng đầu.  |
| 5    | <b>Giảng viên</b>   |                    |   |   |
| 5.1  | Đội ngũ giảng viên (giảng viên cơ hữu và giảng viên kiêm nhiệm) chiếm tỉ lệ ít nhất 75% tổng số cán bộ, viên chức.  |                    | Số liệu thống kê                            |   |
| 5.2  | Ít nhất 90% giảng viên có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên phù hợp với chuyên môn giảng dạy.  |                    | Số liệu thống kê                            | - Bảng kê danh sách họ tên, ngày tháng năm sinh, ngạch, trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị, các văn bằng, năm tuyển dụng, năm giữ ngạch, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển. |
| 5.3  | 100% giảng viên dạy lý luận chính trị có trình độ lý luận trung cấp lý luận trở lên   |                    | Số liệu thống kê                            |   |
| 5.4  | 100% giảng viên sau 07 năm giảng dạy tại trường, có trình độ cao cấp lý luận (hoặc tương đương).  |                    | Số liệu thống kê                            |   |
| 5.5  | 100% giảng viên có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực hoặc đã có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm.                    |                    | Số liệu thống kê                            | - Bản sao các văn bằng tốt nghiệp, chứng chỉ có chứng thực.<br>- Quyết định nâng ngạch, bậc.  |
| 5.6  | Ít nhất 80% giảng viên có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.  |                    | Số liệu thống kê                            |   |
| 5.7  | Ít nhất 60% giảng viên giữ ngạch giảng viên chính (viên chức hạng II) hoặc tương đương trở lên  |                    | Số liệu thống kê                            |   |
| 5.8  | 100% giảng viên áp dụng hiệu quả phương pháp dạy học tích cực, tham gia thao giảng cấp khoa, cấp trường và đạt yêu cầu trở lên.                           |                    | Số liệu thống kê                            | Kế hoạch và kết quả thao giảng hằng năm.  |
| 5.9  | 100% hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế theo quy định   |                    | Số liệu thống kê                            | Quyết định đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên hằng năm.   |
| 5.10 | Xây dựng đội ngũ thỉnh giảng theo quy định.   |                    | Số liệu thống kê                            | Quyết định hoặc văn bản có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về đội ngũ giảng viên thỉnh giảng.  |

| TT         | Chỉ tiêu cụ thể   | Đánh giá đạt chuẩn | Số liệu cụ thể                                   | Các minh chứng kèm theo  |
|------------|---|--------------------|--|--|
| (1)        | (2)   | (3)                | (4)  | (5)  |
| <b>III</b> | <b>Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng (Điều 8, Quy định 11-QĐ/TW)</b>   |                    |  |  |
| 1          | Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng được giao  |                    | Số liệu thống kê                                 | - Danh mục các chương trình đào tạo, bồi dưỡng mà trường đã đảm nhận trong 05 năm.<br>- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt. |
| 2          | Thực hiện đúng, đủ các chương trình đào tạo, bồi dưỡng được cấp có thẩm quyền giao.   |                    | Số liệu thống kê                                 | - Kế hoạch, chương trình giảng dạy và học tập các chương trình đào tạo, bồi dưỡng.   |
| 3          | Tỷ lệ lớp Trung cấp lý luận chính trị tập trung tại trường với với hệ không tập trung ít nhất là 1/3 (1 lớp tập trung/3 lớp không tập trung).   |                    | Số liệu thống kê                                 | - Bảng kê danh sách các lớp Trung cấp lý luận chính trị kèm các quyết định mở lớp của từng lớp, ghi rõ hình thức mở lớp tập trung, không tập trung.            |
| 4          | Thực hiện nghiêm quy chế quản lý đào tạo, bồi dưỡng và các quy định khác về đào tạo bồi dưỡng do cấp có thẩm quyền ban hành.  |                    | Số liệu thống kê                                 | Báo cáo tổng kết chuyên môn hằng năm, đánh giá việc thực hiện quy chế quản lý đào tạo, bồi dưỡng và các quy định khác về đào tạo bồi dưỡng.                    |
| 5          | Thực hiện đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng về chương trình, học viên, giảng viên, cơ sở vật chất, khóa bồi dưỡng, hiệu quả sau đào tạo, bồi dưỡng. Kết quả đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng từ mức khá trở lên. |                    | Số liệu thống kê                                 | Kết quả đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng hằng năm.   |
| <b>IV</b>  | <b>Hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn (Điều 9, Quy định 11-QĐ/TW)</b>  |                    |  |  |
| 1          | Mỗi năm thực hiện được ít nhất 03 đề tài khoa học cấp trường, được nghiệm thu ở mức đạt trở lên.  |                    | Số liệu thống kê, danh mục tên đề tài            | - Quyết định giao đề tài, đề án, nhiệm vụ khoa học.  |
| 2          | 5 năm thực hiện được ít nhất 03 đề tài cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên, được nghiệm thu ở mức đạt trở lên.  |                    | Số liệu thống kê, danh mục tên đề tài            | - Biên bản nghiệm thu, thanh lý  |
| 3          | Mỗi năm tổ chức được ít nhất 03 hội thảo khoa học hoặc tọa đàm khoa học cấp trường.   |                    | Số liệu thống kê, danh mục tên hội thảo, tọa đàm | - Quyết định, Kế hoạch tổ chức Hội thảo khoa học, tọa đàm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.  |
| 4          | 5 năm tổ chức được ít nhất 03 hội thảo khoa học hoặc tọa đàm khoa học cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên.  |                    | Số liệu thống kê, danh mục tên hội thảo, tọa đàm | - Biên bản hội thảo, tọa đàm.<br>- Ký yếu (nếu có).  |
| 5          | Kết quả nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn được chuyển giao cho các cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật.  |                    | Số liệu thống kê                                 | Hợp đồng hoặc văn bản có xác nhận của cấp có thẩm quyền về việc chuyển giao kết quả nghiên cứu   |

**Biểu số 2**

**Mẫu kết quả đánh giá các tiêu chí trường chính trị chuẩn mức 2**  
*(ban hành kèm theo Hướng dẫn số 61 -HD/HVCTQG ngày 17/5/2024*  
*của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)*

TỈNH ỦY/THÀNH ỦY.....  
 TRƯỜNG CHÍNH TRỊ.....

\*

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

....., ngày ... tháng ... năm ...

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ TRƯỜNG CHÍNH TRỊ CHUẨN MỨC 2**

| TT        | Chỉ tiêu cụ thể   | Đánh giá đạt chuẩn | Số liệu thống kê  | Các minh chứng kèm theo  |
|-----------|---|--------------------|---|--|
| (1)       | (2)   | (3)                | (4)   | (5)  |
| <b>I</b>  | <b>Thể chế, quy định (Điều 6, Điều 12, Quy định 11-QĐ/TW)</b>   |                    |   |  |
| 1         | Có đầy đủ các quy chế, quy định cụ thể hóa văn bản của Trung ương, địa phương bảo đảm tính hệ thống, đồng bộ, kịp thời, khả thi, không trái với văn bản của cấp trên và được cấp có thẩm quyền phê duyệt. |                    | Danh mục tên quy định, quy chế...   | Bản sao các quy chế, quy định do nhà trường ban hành   |
| <b>II</b> | <b>Đội ngũ cán bộ, viên chức (Điều 7, Điều 13, Quy định 11-QĐ/TW)</b>   |                    |   |  |
| 1         | Đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện đối với chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm theo quy định của Đảng và Nhà nước.  |                    | - Số biên chế được quy định<br>- Số liệu biên chế thực tế (chi tiết đến từng khoa, phòng) | - Văn bản quy định của cấp có thẩm quyền về chỉ tiêu biên chế của trường.<br>- Danh sách cán bộ của trường có trích ngang thông tin về chức vụ, ngạch viên chức, trình độ lý luận chính trị, trình độ chuyên môn, bằng cử nhân hoặc chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển |
| 2         | <b>Lãnh đạo trường</b>  |                    |   |  |
| 2.1       | Trình độ chuyên môn tiến sĩ về khoa học chính trị, khoa học quản lý hoặc khoa học xã hội và nhân văn.   |                    | Số liệu thống kê  | - Bảng kê danh sách họ tên, ngạch, trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị, các văn bằng, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc chứng chỉ   |
| 2.2       | Trình độ Cao cấp Lý luận chính trị (hoặc tương đương).  |                    | Số liệu thống kê  |  |

| TT  | Chỉ tiêu cụ thể   | Đánh giá đạt chuẩn | Số liệu thống kê                      | Các minh chứng kèm theo   |
|-----|---|--------------------|---------------------------------------|---|
| (1) | (2)   | (3)                | (4)                                   | (5)   |
| 2.3 | Giữ ngạch giảng viên cao cấp hoặc tương đương (hoặc có trình độ quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng I).   |                    | Số liệu thống kê                      | phương pháp dạy học tích cực, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển.  |
| 2.4 | Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc phương pháp dạy học tích cực hoặc bằng tốt nghiệp đại học sư phạm.  |                    | Số liệu thống kê                      | - Bản sao các văn bằng tốt nghiệp, chứng chỉ có chứng thực.   |
| 2.5 | Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.   |                    | Số liệu thống kê                      | - Quyết định nâng ngạch, bậc.   |
| 2.6 | Người đứng đầu có 05 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 05 năm liên tục. Có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực quản lý và kinh nghiệm hoạt động thực tiễn.   |                    | Số liệu thống kê                      | Quyết định đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại đảng viên hàng năm trong 05 năm liên tục của người đứng đầu.   |
| 2.7 | Xây dựng được mô hình, điển hình trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và các mặt công tác khác được tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương hoặc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Bộ Nội vụ công nhận.   |                    | Số liệu thống kê                      | - Quyết định công nhận mô hình, điển hình có cấp có thẩm quyền.   |
| 2.8 | Có mô hình được nhân rộng trong cụm, khu vực hoặc trong cả nước.  |                    | Số liệu thống kê                      | - Báo cáo mô tả tên mô hình và kết quả nhân rộng  |
| 3   | <b>Trưởng khoa, phó trưởng khoa</b>   |                    |                                       |   |
| 3.1 | Có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên về khoa học chính trị, khoa học quản lý hoặc khoa học xã hội và nhân văn, trong đó ít nhất 50% số lãnh đạo khoa có trình độ tiến sĩ về khoa học chính trị, khoa học quản lý hoặc khoa học xã hội và nhân văn. |                    | Số liệu thống kê                      | - Bảng kê danh sách họ tên, ngạch, trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị, các văn bằng, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển. |
| 3.2 | Trình độ Cao cấp Lý luận chính trị (hoặc tương đương)   |                    | Số liệu thống kê                      | - Bản sao các văn bằng tốt nghiệp, chứng chỉ có chứng thực.   |
| 3.3 | Giữ ngạch giảng viên cao cấp hoặc tương đương (hoặc có trình độ quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng I).   |                    | Số liệu thống kê                      | - Quyết định nâng ngạch, bậc.   |
| 3.4 | Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc phương pháp dạy học tích cực hoặc bằng tốt nghiệp đại học sư phạm.  |                    | Số liệu thống kê                      |   |
| 3.5 | Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.   |                    | Số liệu thống kê                      |   |
| 3.6 | Đề xuất thành công ít nhất 03 đề tài khoa học cấp trường trở lên.   |                    | Số liệu thống kê, danh mục tên đề tài | Văn bản đề xuất, thuyết minh đề tài khoa học của khoa trình lãnh đạo trường và quyết định giao đề tài khoa học của cấp có thẩm quyền (cấp trường, cấp tỉnh, cấp bộ).  |
| 3.7 | Chỉ đạo, đề xuất thành công ít nhất 01 đề tài khoa học cấp tỉnh trở lên   |                    |                                       | Văn bản đề xuất, thuyết minh đề tài khoa học của khoa trình lãnh đạo trường và quyết định giao đề tài khoa học của cấp có thẩm quyền (cấp tỉnh, cấp bộ).  |

| TT       | Chỉ tiêu cụ thể  | Đánh giá đạt chuẩn | Số liệu thống kê                            | Các minh chứng kèm theo   |
|----------|--|--------------------|---|---|
| (1)      | (2)  | (3)                | (4)   | (5)   |
| 3.8      | Người đứng đầu được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 05 năm liên tục. Có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực quản lý và kinh nghiệm hoạt động thực tiễn   |                    | Số liệu thống kê                            | Quyết định đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại đảng viên trong 05 năm liên tục của người đứng đầu.  |
| 3.9      | Chỉ đạo, điều hành khoa đảm nhận được các nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng theo chức năng, nhiệm vụ được lãnh đạo trường phân công, phân cấp.   |                    | Số liệu thống kê                            | - Báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng 05 năm liên tục của khoa, có xác nhận của trường.  |
| 3.10     | Xây dựng được mô hình đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và các mặt công tác được lãnh đạo trường hoặc cấp trên công nhận.  |                    | Số liệu thống kê                            | - Quyết định công nhận mô hình, điển hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt  |
| <b>4</b> | <b>Trường phòng, phó trường phòng</b>  |                    |   |   |
| 4.1      | Có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên về khoa học chính trị, khoa học quản lý hoặc khoa học xã hội và nhân văn. Trong đó trường phòng hoặc phó trường phòng phụ trách nghiên cứu khoa học của phòng quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học có trình độ tiến sĩ về khoa học chính trị, khoa học quản lý hoặc khoa học xã hội và nhân văn. |                    | Số liệu thống kê                            | Bảng kê danh sách họ tên, ngạch, trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị, các văn bằng, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển... |
| 4.2      | Trình độ Cao cấp Lý luận chính trị (hoặc tương đương).   |                    | Số liệu thống kê                            | - Bản sao các văn bằng tốt nghiệp, chứng chỉ có chứng thực.   |
| 4.3      | Giữ ngạch giảng viên chính hoặc tương đương (hoặc có trình độ quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp từ hạng II) trở lên. Trong đó, người đứng đầu giữ ngạch giảng viên cao cấp hoặc tương đương (hoặc có trình độ quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng I)  |                    | Số liệu thống kê                            | - Quyết định nâng ngạch, bậc.   |
| 4.4      | Tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các đề án, kế hoạch, chương trình...  |                    | Số liệu thống kê, danh mục tên đề án, dự án | - Văn bản đề xuất, thuyết minh, và quyết định phê duyệt đề án, kế hoạch, chương trình... của cơ quan có thẩm quyền<br>- Báo cáo kết quả triển khai thực hiện đề tài, đề án, chương trình, kế hoạch.             |
| 4.5      | Người đứng đầu có 05 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 05 năm liên tục. Có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực và kinh nghiệm hoạt động thực tiễn.  |                    | Số liệu thống kê                            | Quyết định đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại đảng viên trong 05 năm liên tục của người đứng đầu.  |
| 4.6      | Xây dựng được mô hình đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và các mặt công tác được lãnh đạo trường hoặc cấp trên công nhận   |                    | Số liệu thống kê                            | - Quyết định công nhận mô hình, điển hình được cấp có thẩm quyền công nhận.   |

| TT         | Chỉ tiêu cụ thể   | Đánh giá đạt chuẩn | Số liệu thống kê | Các minh chứng kèm theo   |  |
|------------|---|--------------------|------------------|---|--|
| (1)        | (2)   | (3)                | (4)              | (5)   |  |
| <b>5</b>   | <b>Giảng viên</b>   |                    |                  |   |  |
| 5.1        | Đội ngũ giảng viên (cơ hữu và kiêm nhiệm) có tỉ lệ ít nhất 80% tổng số cán bộ, viên chức.   |                    | Số liệu thống kê | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảng kê danh sách họ tên, ngày tháng năm sinh, ngạch, trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị, các văn bằng, năm tuyển dụng, năm giữ ngạch, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển.</li> <li>- Bản sao các văn bằng tốt nghiệp, chứng chỉ có chứng thực.</li> <li>- Quyết định nâng ngạch, bậc.</li> </ul> |  |
| 5.2        | 100% giảng viên có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên phù hợp với chuyên môn giảng dạy, trong đó mỗi khoa có ít nhất 01 tiến sĩ (không kể lãnh đạo khoa). |                    | Số liệu thống kê |   |  |
| 5.3        | 100% giảng viên dạy lý luận chính trị có trình độ lý luận trung cấp lý luận trở lên   |                    | Số liệu thống kê |   |  |
| 5.4        | 100% giảng viên sau 07 năm giảng dạy tại trường có trình độ có cao cấp lý luận (hoặc tương đương).  |                    | Số liệu thống kê |   |  |
| 5.5        | 100% giảng viên có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực hoặc đã có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm.                        |                    | Số liệu thống kê |   |  |
| 5.6        | Ít nhất 80% giảng viên có chứng chỉ bồi dưỡng kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh   |                    | Số liệu thống kê |   |  |
| 5.7        | Giảng viên chính chiếm từ 80% trở lên trong tổng số giảng viên của trường, trong đó có ít nhất 01 giảng viên cao cấp  |                    | Số liệu thống kê |   |  |
| 5.8        | 100% giảng viên áp dụng hiệu quả phương pháp dạy học tích cực, tham gia thao giảng cấp khoa, cấp trường và đạt yêu cầu trở lên.                               |                    | Số liệu thống kê |   | Kế hoạch và kết quả thao giảng hằng năm.   |
| 5.9        | 100% hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế theo quy định.  |                    | Số liệu thống kê |   | Quyết định đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên hằng năm.                |
| 5.10       | Xây dựng đội ngũ thỉnh giảng theo quy định.   |                    | Số liệu thống kê |   | Quyết định hoặc văn bản có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về đội ngũ giảng viên thỉnh giảng. |
| <b>III</b> | <b>Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng (Điều 8, Điều 14 Quy định 11-QĐ/TW)</b>   |                    |                  |   |  |
| 1          | Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng được giao.   |                    | Số liệu thống kê | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh mục các chương trình đào tạo, bồi dưỡng mà trường đã đảm nhận trong 05 năm.</li> <li>- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</li> </ul>  |  |
| 2          | Thực hiện đúng, đủ các chương trình đào tạo, bồi dưỡng được cấp có thẩm quyền giao  |                    | Số liệu thống kê | - Kế hoạch, chương trình giảng dạy và học tập các chương trình đào tạo, bồi dưỡng.  |  |
| 3          | Tỷ lệ lớp Trung cấp lý luận chính trị tập trung tại trường với với hệ không tập trung ít nhất là 1/2 (1 lớp tập trung/2 lớp không tập trung).                 |                    | Số liệu thống kê | - Bảng kê danh sách các lớp Trung cấp lý luận chính trị kèm các quyết định mở lớp của từng lớp, ghi rõ hình thức mở lớp tập trung, không tập trung.   |  |

| TT  | Chỉ tiêu cụ thể  | Đánh giá đạt chuẩn | Số liệu cụ thể                                    | Các minh chứng kèm theo   |
|-----|--|--------------------|---|---|
| (1) | (2)  | (3)                | (4)   | (5)   |
| 6   | Có Báo cáo kiến nghị, đề xuất tình ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương, các cơ quan Trung ương từ kết quả nghiên cứu đề tài, hội thảo khoa học cấp tỉnh trở lên.  |                    | Số liệu thống kê                                  | Báo cáo kiến nghị, đề xuất lên cấp có thẩm quyền.   |
| 7   | 5 năm xuất bản được ít nhất 05 cuốn sách chuyên khảo, tham khảo hoặc kỹ yếu hội thảo khoa học phục vụ đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn (không kể tài liệu, giáo trình về đào tạo, bồi dưỡng). |                    | Số liệu thống kê, Danh mục tên sách, nhà xuất bản | Bản chụp bìa sách, kỹ yếu, mục lục  |
| 8   | Xuất bản được tạp chí hoặc bản tin "Thông tin Lý luận và thực tiễn" ít nhất 03 kỳ/năm. Tạp chí hoặc bản tin bảo đảm nội dung, đúng quy định luật xuất bản.   |                    | Số liệu thống kê                                  | - Quyết định cấp phép xuất bản bản tin.<br>- Bìa, mục lục bản tin các số của 05 năm liên tục.   |
| 9   | Xây dựng được trang thông tin điện tử của trường, bảo đảm chất lượng, thông tin được cập nhật thường xuyên.  |                    | Số liệu thống kê                                  | - Kế hoạch hoạt động và báo cáo kết quả hoạt động hằng năm của Trang thông tin điện tử nhà trường   |
| V   | <b>Xây dựng văn hóa trường đảng, thực hiện kỷ luật, kỷ cương (Điều 10, Quy định 11-QĐ/TW)</b>  |                    |   |   |
| 1   | Xây dựng được tiêu chí văn hóa ứng xử trong nhà trường.  |                    | Số liệu thống kê                                  | Quy định về tiêu chí văn hóa ứng xử do nhà trường ban hành  |
| 2   | Thực hiện tốt việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.  |                    | Số liệu thống kê                                  | - Kế hoạch, chương trình, kết quả, giấy khen, bằng khen của tập thể, cá nhân về việc triển khai phong trào học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh |
| 3   | 100% cán bộ, viên chức, người lao động thực hiện ứng xử văn hóa trường đảng theo quy định.   |                    | Số liệu thống kê                                  | - Kết quả thực hiện ứng xử văn hóa trường đảng  |
| 4   | Tổ chức đảng, đoàn thể hoạt động hiệu quả và hằng năm được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.   |                    | Số liệu thống kê                                  | Quyết định đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, đoàn thể hằng năm   |
| 5   | Hằng năm, trường được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.  |                    | Số liệu thống kê                                  | Quyết định đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của tập thể trường  |
| 6   | Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà trường.  |                    | Số liệu thống kê                                  | Báo cáo kết quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở hằng năm  |
| 7   | Tham gia đầy đủ, tích cực các phong trào thi đua do cơ quan có thẩm quyền phát động.   |                    | Số liệu thống kê                                  | Báo cáo tổng kết phong trào thi đua hằng năm, giấy khen, bằng khen, cờ thi đua... (nếu có)  |
| 8   | Không có cán bộ, viên chức người lao động bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự  |                    | Số liệu thống kê                                  |   |



| TT  | Chỉ tiêu cụ thể   | Đánh giá đạt chuẩn | Số liệu cụ thể   | Các minh chứng kèm theo  |
|-----|---|--------------------|------------------|--|
| (1) | (2)   | (3)                | (4)              | (5)  |
| VI  | <b>Cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật và tài chính (Điều 11, Quy định 11-QĐ/TW)</b>   |                    |                  |  |
| 1   | Có đủ cơ sở vật chất và phương tiện kỹ thuật phục vụ việc dạy, học và nghiên cứu, đáp ứng yêu cầu đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn; bảo đảm tăng quy mô đào tạo tập trung.  |                    | Số liệu thống kê | - Danh mục cơ sở vật chất và thiết bị của nhà trường.<br>- Danh mục các phương tiện kỹ thuật phục vụ việc giảng dạy và học tập, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn. |
| 2   | Tổng diện tích sử dụng (gồm diện tích phòng học, phòng làm việc, phòng họp, phòng hội thảo, phòng truyền thống, phòng khách, hội trường lớn, thư viện, nhà đa năng, nhà ăn, ký túc xá, khuôn viên cây xanh hoặc vườn hoa, đường giao thông nội bộ...) bảo đảm tối thiểu 20.000 m <sup>2</sup> |                    | Số liệu thống kê | Diện tích sử dụng của từng hạng mục công trình, có giấy phép xây dựng hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền chứng thực   |
| 3   | Công tác lập kế hoạch tài chính, phân bổ, sử dụng và quản lý tài chính đúng quy định của pháp luật, công khai, minh bạch và hiệu quả, đáp ứng hoạt động của nhà trường.   |                    | Số liệu thống kê | Báo cáo tài chính hằng năm và các minh chứng kèm theo về mức độ công khai, minh bạch, hiệu quả theo quy định của Nhà nước.   |

## HIỆU TRƯỞNG

Lưu ý:

- Cột (3): ghi đạt hoặc không đạt
- Cột (4): Số liệu về hiện trạng. Ví dụ: 10 quy định, 3/3 lãnh đạo trường là tiến sĩ; 5/6 lãnh đạo khoa có trình độ cao cấp, 85% giảng viên chính...
- Cột (5): Ghi tên các minh chứng kèm theo

**Biểu số 2**  
**Mẫu kết quả đánh giá các tiêu chí trường chính trị chuẩn mức 2**  
*(ban hành kèm theo Hướng dẫn số 01 -HD/HVCTQG ngày 17/5/2024*  
*của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)*

TỈNH ỦY/THÀNH ỦY.....  
 TRƯỜNG CHÍNH TRỊ.....

\*

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

....., ngày ... tháng ... năm ...

**KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ CÁC TIÊU CHÍ TRƯỜNG CHÍNH TRỊ CHUẨN MỨC 2**

| TT        | Chỉ tiêu cụ thể   | Đánh giá đạt chuẩn | Số liệu thống kê  | Các minh chứng kèm theo  |
|-----------|---|--------------------|---|--|
| (1)       | (2)   | (3)                | (4)   | (5)  |
| <b>I</b>  | <b>Thể chế, quy định (Điều 6, Điều 12, Quy định 11-QĐ/TW)</b>   |                    |   |  |
| 1         | Có đầy đủ các quy chế, quy định cụ thể hóa văn bản của Trung ương, địa phương bảo đảm tính hệ thống, đồng bộ, kịp thời, khả thi, không trái với văn bản của cấp trên và được cấp có thẩm quyền phê duyệt. |                    | Danh mục tên quy định, quy chế...   | Bản sao các quy chế, quy định do nhà trường ban hành   |
| <b>II</b> | <b>Đội ngũ cán bộ, viên chức (Điều 7, Điều 13, Quy định 11-QĐ/TW)</b>   |                    |   |  |
| 1         | Đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện đối với chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm theo quy định của Đảng và Nhà nước.  |                    | - Số biên chế được quy định<br>- Số liệu biên chế thực tế (chi tiết đến từng khoa, phòng) | - Văn bản quy định của cấp có thẩm quyền về chỉ tiêu biên chế của trường.<br>- Danh sách cán bộ của trường có trích ngang thông tin về chức vụ, ngạch viên chức, trình độ lý luận chính trị, trình độ chuyên môn, bằng cử nhân hoặc chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển |
| 2         | <b>Lãnh đạo trường</b>  |                    |   |  |
| 2.1       | Trình độ chuyên môn tiến sĩ về khoa học chính trị, khoa học quản lý hoặc khoa học xã hội và nhân văn.   |                    | Số liệu thống kê  | - Bảng kê danh sách họ tên, ngạch, trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị, các văn bằng, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc chứng chỉ   |
| 2.2       | Trình độ Cao cấp Lý luận chính trị (hoặc tương đương).  |                    | Số liệu thống kê  |  |

| TT  | Chỉ tiêu cụ thể   | Đánh giá đạt chuẩn | Số liệu thống kê                      | Các minh chứng kèm theo   |
|-----|---|--------------------|---------------------------------------|---|
| (1) | (2)   | (3)                | (4)                                   | (5)   |
| 2.3 | Giữ ngạch giảng viên cao cấp hoặc tương đương (hoặc có trình độ quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng I).   |                    | Số liệu thống kê                      | phương pháp dạy học tích cực, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển.  |
| 2.4 | Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc phương pháp dạy học tích cực hoặc bằng tốt nghiệp đại học sư phạm.  |                    | Số liệu thống kê                      | - Bản sao các văn bằng tốt nghiệp, chứng chỉ có chứng thực.   |
| 2.5 | Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.   |                    | Số liệu thống kê                      | - Quyết định nâng ngạch, bậc.   |
| 2.6 | Người đứng đầu có 05 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 05 năm liên tục. Có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực quản lý và kinh nghiệm hoạt động thực tiễn.   |                    | Số liệu thống kê                      | Quyết định đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại đảng viên hằng năm trong 05 năm liên tục của người đứng đầu.   |
| 2.7 | Xây dựng được mô hình, điển hình trong hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và các mặt công tác khác được tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương hoặc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Bộ Nội vụ công nhận.   |                    | Số liệu thống kê                      | - Quyết định công nhận mô hình, điển hình có cấp có thẩm quyền.   |
| 2.8 | Có mô hình được nhân rộng trong cụm, khu vực hoặc trong cả nước.  |                    | Số liệu thống kê                      | - Báo cáo mô tả tên mô hình và kết quả nhân rộng  |
| 3   | <b>Trưởng khoa, phó trưởng khoa</b>   |                    |                                       |   |
| 3.1 | Có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên về khoa học chính trị, khoa học quản lý hoặc khoa học xã hội và nhân văn, trong đó ít nhất 50% số lãnh đạo khoa có trình độ tiến sĩ về khoa học chính trị, khoa học quản lý hoặc khoa học xã hội và nhân văn. |                    | Số liệu thống kê                      | - Bảng kê danh sách họ tên, ngạch, trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị, các văn bằng, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển. |
| 3.2 | Trình độ Cao cấp Lý luận chính trị (hoặc tương đương)   |                    | Số liệu thống kê                      | - Bản sao các văn bằng tốt nghiệp, chứng chỉ có chứng thực.   |
| 3.3 | Giữ ngạch giảng viên cao cấp hoặc tương đương (hoặc có trình độ quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng I).   |                    | Số liệu thống kê                      | - Quyết định nâng ngạch, bậc.   |
| 3.4 | Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc phương pháp dạy học tích cực hoặc bằng tốt nghiệp đại học sư phạm.  |                    | Số liệu thống kê                      |   |
| 3.5 | Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh.   |                    | Số liệu thống kê                      |   |
| 3.6 | Đề xuất thành công ít nhất 03 đề tài khoa học cấp trường trở lên.   |                    | Số liệu thống kê, danh mục tên đề tài | Văn bản đề xuất, thuyết minh đề tài khoa học của khoa trình lãnh đạo trường và quyết định giao đề tài khoa học của cấp có thẩm quyền (cấp trường, cấp tỉnh, cấp bộ).  |
| 3.7 | Chỉ đạo, đề xuất thành công ít nhất 01 đề tài khoa học cấp tỉnh trở lên   |                    |                                       | Văn bản đề xuất, thuyết minh đề tài khoa học của khoa trình lãnh đạo trường và quyết định giao đề tài khoa học của cấp có thẩm quyền (cấp tỉnh, cấp bộ).  |

| TT   | Chỉ tiêu cụ thể  | Đánh giá đạt chuẩn | Số liệu thống kê                            | Các minh chứng kèm theo   |
|------|--|--------------------|---|---|
| (1)  | (2)  | (3)                | (4)   | (5)   |
| 3.8  | Người đứng đầu được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 05 năm liên tục. Có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực quản lý và kinh nghiệm hoạt động thực tiễn   |                    | Số liệu thống kê                            | Quyết định đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại đảng viên trong 05 năm liên tục của người đứng đầu.  |
| 3.9  | Chỉ đạo, điều hành khoa đảm nhận được các nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng theo chức năng, nhiệm vụ được lãnh đạo trường phân công, phân cấp.   |                    | Số liệu thống kê                            | - Báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng 05 năm liên tục của khoa, có xác nhận của trường.  |
| 3.10 | Xây dựng được mô hình đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và các mặt công tác được lãnh đạo trường hoặc cấp trên công nhận.  |                    | Số liệu thống kê                            | - Quyết định công nhận mô hình, điển hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt  |
| 4    | <b>Trưởng phòng, phó trưởng phòng</b>  |                    |   |   |
| 4.1  | Có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên về khoa học chính trị, khoa học quản lý hoặc khoa học xã hội và nhân văn. Trong đó trưởng phòng hoặc phó trưởng phòng phụ trách nghiên cứu khoa học của phòng quản lý đào tạo và nghiên cứu khoa học có trình độ tiến sĩ về khoa học chính trị, khoa học quản lý hoặc khoa học xã hội và nhân văn. |                    | Số liệu thống kê                            | Bảng kê danh sách họ tên, ngạch, trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị, các văn bằng, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm, chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển... |
| 4.2  | Trình độ Cao cấp Lý luận chính trị (hoặc tương đương).   |                    | Số liệu thống kê                            | - Bản sao các văn bằng tốt nghiệp, chứng chỉ có chứng thực.   |
| 4.3  | Giữ ngạch giảng viên chính hoặc tương đương (hoặc có trình độ quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp từ hạng II) trở lên. Trong đó, người đứng đầu giữ ngạch giảng viên cao cấp hoặc tương đương (hoặc có trình độ quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hạng I)  |                    | Số liệu thống kê                            | - Quyết định nâng ngạch, bậc.   |
| 4.4  | Tham mưu xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các đề án, kế hoạch, chương trình...  |                    | Số liệu thống kê, danh mục tên đề án, dự án | - Văn bản đề xuất, thuyết minh, và quyết định phê duyệt đề án, kế hoạch, chương trình... của cơ quan có thẩm quyền<br>- Báo cáo kết quả triển khai thực hiện đề tài, đề án, chương trình, kế hoạch.             |
| 4.5  | Người đứng đầu có 05 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong 05 năm liên tục. Có phẩm chất đạo đức tốt, có năng lực và kinh nghiệm hoạt động thực tiễn.  |                    | Số liệu thống kê                            | Quyết định đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ, xếp loại đảng viên trong 05 năm liên tục của người đứng đầu.  |
| 4.6  | Xây dựng được mô hình đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn và các mặt công tác được lãnh đạo trường hoặc cấp trên công nhận   |                    | Số liệu thống kê                            | - Quyết định công nhận mô hình, điển hình được cấp có thẩm quyền công nhận.   |

| TT   | Chỉ tiêu cụ thể   | Đánh giá đạt chuẩn | Số liệu thống kê | Các minh chứng kèm theo   |
|------|---|--------------------|------------------|---|
| (1)  | (2)   | (3)                | (4)              | (5)   |
| 5    | <b>Giảng viên</b>   |                    |                  |   |
| 5.1  | Đội ngũ giảng viên (cơ hữu và kiêm nhiệm) có tỉ lệ ít nhất 80% tổng số cán bộ, viên chức.   |                    | Số liệu thống kê | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảng kê danh sách họ tên, ngày tháng năm sinh, ngạch, trình độ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị, các văn bằng, năm tuyển dụng, năm giữ ngạch, chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực, chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức kinh điển.</li> <li>- Bản sao các văn bằng tốt nghiệp, chứng chỉ có chứng thực.</li> <li>- Quyết định nâng ngạch, bậc.</li> </ul> |
| 5.2  | 100% giảng viên có trình độ chuyên môn từ thạc sĩ trở lên phù hợp với chuyên môn giảng dạy, trong đó mỗi khoa có ít nhất 01 tiến sĩ (không kể lãnh đạo khoa). |                    | Số liệu thống kê |   |
| 5.3  | 100% giảng viên dạy lý luận chính trị có trình độ lý luận trung cấp lý luận trở lên   |                    | Số liệu thống kê |   |
| 5.4  | 100% giảng viên sau 07 năm giảng dạy tại trường có trình độ có cao cấp lý luận (hoặc tương đương).  |                    | Số liệu thống kê |   |
| 5.5  | 100% giảng viên có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm hoặc chứng chỉ phương pháp dạy học tích cực hoặc đã có bằng tốt nghiệp đại học sư phạm.                        |                    | Số liệu thống kê |   |
| 5.6  | Ít nhất 80% giảng viên có chứng chỉ bồi dưỡng kinh điển Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh   |                    | Số liệu thống kê |   |
| 5.7  | Giảng viên chính chiếm từ 80% trở lên trong tổng số giảng viên của trường, trong đó có ít nhất 01 giảng viên cao cấp  |                    | Số liệu thống kê |   |
| 5.8  | 100% giảng viên áp dụng hiệu quả phương pháp dạy học tích cực, tham gia thao giảng cấp khoa, cấp trường và đạt yêu cầu trở lên.                               |                    | Số liệu thống kê | Kế hoạch và kết quả thao giảng hằng năm.  |
| 5.9  | 100% hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, nghiên cứu thực tế theo quy định.  |                    | Số liệu thống kê | Quyết định đánh giá, xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của giảng viên hằng năm.   |
| 5.10 | Xây dựng đội ngũ thỉnh giảng theo quy định.   |                    | Số liệu thống kê | Quyết định hoặc văn bản có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về đội ngũ giảng viên thỉnh giảng.  |
| III  | <b>Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng (Điều 8, Điều 14 Quy định 11-QĐ/TW)</b>   |                    |                  |   |
| 1    | Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng được giao.   |                    | Số liệu thống kê | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh mục các chương trình đào tạo, bồi dưỡng mà trường đã đảm nhận trong 05 năm.</li> <li>- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</li> </ul>  |
| 2    | Thực hiện đúng, đủ các chương trình đào tạo, bồi dưỡng được cấp có thẩm quyền giao  |                    | Số liệu thống kê | - Kế hoạch, chương trình giảng dạy và học tập các chương trình đào tạo, bồi dưỡng.  |
| 3    | Tỷ lệ lớp Trung cấp lý luận chính trị tập trung tại trường với với hệ không tập trung ít nhất là 1/2 (1 lớp tập trung/2 lớp không tập trung).                 |                    | Số liệu thống kê | - Bảng kê danh sách các lớp Trung cấp lý luận chính trị kèm các quyết định mở lớp của từng lớp, ghi rõ hình thức mở lớp tập trung, không tập trung.   |

| TT        | Chỉ tiêu cụ thể  | Đánh giá đạt chuẩn | Số liệu thống kê                                 | Các minh chứng kèm theo   |
|-----------|--|--------------------|--|---|
| (1)       | (2)  | (3)                | (4)  | (5)   |
| 4         | Thực hiện nghiêm quy chế quản lý đào tạo, bồi dưỡng và các quy định khác về đào tạo, bồi dưỡng do cấp có thẩm quyền ban hành   |                    | Số liệu thống kê                                 | Báo cáo tổng kết chuyên môn hằng năm, đánh giá việc thực hiện quy chế quản lý đào tạo, bồi dưỡng và các quy định khác về đào tạo bồi dưỡng.                           |
| 5         | Thực hiện được việc đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng về chương trình, học viên, giảng viên, cơ sở vật chất, khóa bồi dưỡng, hiệu quả sau bồi dưỡng. Kết quả đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng từ mức tốt      |                    | Số liệu thống kê                                 | Kết quả đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng hằng năm.  |
| <b>IV</b> | <b>Hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn (Điều 9, Điều 15 Quy định 11-QĐ/TW)</b>   |                    |  |   |
| 1         | Mỗi năm thực hiện được ít nhất 03 đề tài khoa học cấp trường, được nghiệm thu ở mức đạt trở lên.   |                    | Số liệu thống kê, danh mục tên đề tài            | - Quyết định giao đề tài, nhiệm vụ khoa học.<br>- Biên bản nghiệm thu, thanh lý   |
| 2         | 5 năm thực hiện được ít nhất 05 đề tài cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên, được nghiệm thu ở mức đạt trở lên.   |                    | Số liệu thống kê, danh mục tên đề tài            |   |
| 3         | Mỗi năm tổ chức ít nhất 03 hội thảo khoa học hoặc tọa đàm khoa học cấp trường.   |                    | Số liệu thống kê, danh mục tên hội thảo, tọa đàm | - Kế hoạch tổ chức Hội thảo khoa học, tọa đàm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.<br>- Biên bản hội thảo, tọa đàm.<br>- Bìa Kỷ yếu, danh mục tên bài tham luận (nếu có) |
| 4         | 5 năm tổ chức ít nhất 03 hội thảo khoa học hoặc tọa đàm khoa học từ cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên.   |                    | Số liệu thống kê, danh mục tên hội thảo, tọa đàm |   |
| 5         | Tham mưu tổ chức ít nhất 01 cuộc hội thảo khoa học cấp bộ trở lên.   |                    | Số liệu thống kê, danh mục tên hội thảo, tọa đàm |   |
| 6         | Kết quả nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn được chuyển giao cho các cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật.   |                    | Số liệu thống kê                                 | Hợp đồng hoặc văn bản có xác nhận của cấp có thẩm quyền về việc chuyển giao kết quả nghiên cứu  |
| 7         | Báo cáo kiến nghị từ kết quả nghiên cứu đề tài, hội thảo cấp tỉnh trở lên  |                    | Số liệu thống kê                                 | Báo cáo đề xuất lên cấp có thẩm quyền.  |
| 8         | Có Báo cáo kiến nghị, đề xuất tình ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương, các cơ quan Trung ương từ kết quả nghiên cứu đề tài, hội thảo khoa học cấp tỉnh trở lên.  |                    | Số liệu thống kê                                 | Báo cáo đề xuất lên cấp có thẩm quyền.  |
|           | 5 năm xuất bản được ít nhất 05 cuốn sách chuyên khảo, tham khảo hoặc kỷ yếu hội thảo khoa học phục vụ đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn (không kể tài liệu, giáo trình về đào tạo, bồi dưỡng). |                    | Số liệu thống kê,                                | Danh mục tên sách, nhà xuất bản<br>Bản chụp bìa sách, kỷ yếu, mục lục   |
| 9         | Xuất bản được tạp chí, bản tin "Thông tin Lý luận và Thực tiễn" ít   |                    | Số liệu thống kê                                 | - Quyết định cấp phép xuất bản bản tin.   |

| TT  | Chỉ tiêu cụ thể  | Đánh giá đạt chuẩn | Số liệu thống kê | Các minh chứng kèm theo   |
|-----|--|--------------------|------------------|---|
| (1) | (2)  | (3)                | (4)              | (5)   |
|     | nhất 04 kỳ/năm. Tạp chí hoặc bản tin bảo đảm nội dung, đúng quy định luật xuất bản.  |                    |                  | - Bia, mục lục bản tin các số của 05 năm liên tục.  |
| 10  | Xây dựng được trang thông tin điện tử của trường, bảo đảm chất lượng, thông tin được cập nhật thường xuyên, có kết nối với một số trang thông tin của tỉnh và Trung ương |                    | Số liệu thống kê | - Kế hoạch hoạt động và báo cáo kết quả hoạt động hằng năm của Trang thông tin điện tử nhà trường   |
| V   | <b>Xây dựng văn hóa trường đảng, thực hiện kỷ luật, kỷ cương (Điều 10, Điều 16, Quy định 11-QĐ/TW)</b>   |                    |                  |   |
| 1   | Xây dựng tiêu chí văn hoá ứng xử trong nhà trường.   |                    | Số liệu thống kê | Quy định về tiêu chí văn hóa ứng xử do nhà trường ban hành  |
| 2   | Có tập thể hoặc cá nhân tiêu biểu, xuất sắc được khen thưởng cấp tỉnh và tương đương trở lên trong thực hiện văn hóa công sở, văn hóa trường Đảng theo quy định          |                    | Số liệu thống kê | Bảng khen, giấy khen của các cấp có thẩm quyền cho các tập thể, cá nhân.  |
| 3   | Thực hiện tốt việc học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh.  |                    | Số liệu thống kê | - Kế hoạch, chương trình, kết quả, giấy khen, bảng khen của tập thể, cá nhân về việc triển khai phong trào học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức phong cách Hồ Chí Minh |
| 4   | 100% cán bộ, viên chức, người lao động thực hiện ứng xử văn hóa trường đảng theo quy định.   |                    | Số liệu thống kê | Kết quả đăng ký, thực hiện ứng xử văn hóa trường đảng   |
| 5   | Tổ chức đảng, đoàn thể hoạt động hiệu quả và hằng năm được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.  |                    | Số liệu thống kê | Quyết định đánh giá, phân loại tổ chức đảng, đoàn thể hằng năm  |
| 6   | Hằng năm, trường được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trở lên.   |                    | Số liệu thống kê | Quyết định đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của tập thể trường   |
| 7   | Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà trường   |                    | Số liệu thống kê | Báo cáo kết quả thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở hằng năm  |
| 8   | Tham gia có chất lượng, hiệu quả các phong trào thi đua.   |                    | Số liệu thống kê | Báo cáo tổng kết phong trào thi đua hằng năm, giấy khen, bảng khen, cờ thi đua... (nếu có)  |
| 9   | Xây dựng được mô hình điển hình tiên tiến trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn được cơ quan có thẩm quyền công nhận.               |                    | Số liệu thống kê | Quyết định công nhận mô hình, điển hình của cấp có thẩm quyền   |
| 10  | Không có cán bộ, viên chức người lao động bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự  |                    | Số liệu thống kê |   |
| VI  | <b>Cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật và tài chính (Điều 11, Quy định 11-QĐ/TW)</b>  |                    |                  |   |
| 1   | Có đủ cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật hiện đại, ứng dụng các  |                    | Số liệu thống kê | - Danh mục cơ sở vật chất và thiết bị của nhà   |

| TT  | Chỉ tiêu cụ thể   | Đánh giá đạt chuẩn | Số liệu thống kê | Các minh chứng kèm theo   |
|-----|---|--------------------|------------------|---|
| (1) | (2)   | (3)                | (4)              | (5)   |
|     | công nghệ tiên tiến, phục vụ hiệu quả hoạt động quản lý, giảng dạy, học tập và nghiên cứu, bảo đảm tăng quy mô đào tạo tập trung  |                    |                  | trường.<br>- Danh mục các phương tiện kỹ thuật phục vụ việc giảng dạy và học tập, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn.  |
| 2   | Tổng diện tích sử dụng (gồm diện tích phòng học, phòng làm việc, phòng họp, phòng hội thảo, phòng truyền thống, phòng khách, hội trường lớn, thư viện, nhà đa năng, nhà ăn, ký túc xá, khuôn viên cây xanh hoặc vườn hoa, đường giao thông nội bộ...) bảo đảm tối thiểu 30.000 m <sup>2</sup> |                    | Số liệu thống kê | - Diện tích sử dụng của từng hạng mục công trình, có giấy phép xây dựng hoặc xác nhận của cơ quan có thẩm quyền chứng thực.<br>- Báo cáo tài chính hằng năm và các minh chứng kèm theo về mức độ công khai, minh bạch, hiệu quả theo quy định của Nhà nước. |
| 3   | Công tác lập kế hoạch tài chính, phân bổ, sử dụng và quản lý tài chính đúng quy định của pháp luật, công khai, minh bạch và hiệu quả, đáp ứng hoạt động của nhà trường.   |                    | Số liệu thống kê |   |

### HIỆU TRƯỞNG

Lưu ý:

- Cột (3): ghi đạt hoặc không đạt
- Cột (4): Số liệu về hiện trạng. Ví dụ: 10 quy định, 3/3 lãnh đạo trường là tiến sĩ; 5/6 lãnh đạo khoa có trình độ cao cấp, 85% giảng viên chính...
- Cột (5): Ghi tên các minh chứng kèm theo



**Phụ lục 1**

**Mẫu Báo cáo tự đánh giá mức độ đạt chuẩn của trường chính trị**  
(ban hành kèm theo Hướng dẫn số 61 -HD/HVCTQG ngày 17/5/2024  
của Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh)

TỈNH ỦY/THÀNH ỦY.....  
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ.....

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

\*  
Số -BC/....., ngày ... tháng ... năm ...

**BÁO CÁO**

**tự đánh giá trường chính trị đạt chuẩn mức.....**

Căn cứ Quy định số 11-QĐ/TW ngày 19/5/2021 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá XIII) về trường chính trị chuẩn;

Căn cứ Đề án (hoặc Kế hoạch) số..... ngày..... của Tỉnh uỷ (Thành uỷ) về.....;

Căn cứ Kế hoạch số..... ngày..... của Trường Chính trị..... về tự đánh giá trường chính trị đạt chuẩn,

Trường Chính trị ..... báo cáo tự đánh giá mức độ đạt chuẩn như sau:

**I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CỦA TRƯỜNG**

1. Khái quát chung
2. Về thuận lợi
3. Về khó khăn

**II. ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHÍ TRƯỜNG CHÍNH TRỊ CHUẨN**

**1. Về thể chế, quy định**

Kết quả trong xây dựng thể chế, quy định, cụ thể hóa văn bản của Trung ương, địa phương bảo đảm tính hệ thống, đồng bộ, kịp thời, khả thi, không trái với văn bản của cấp trên và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

**2. Về đội ngũ cán bộ, viên chức**

Nêu các số liệu chủ yếu, đánh giá khái quát về đội ngũ cán bộ, viên chức của trường, lãnh đạo trường, trưởng khoa, phó trưởng khoa, trưởng phòng, phó trưởng phòng và đội ngũ giảng viên (bao gồm cả giảng viên cơ hữu và giảng viên kiêm nhiệm).

**3. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng**

Nêu các số liệu chủ yếu, đánh giá khái quát về thực hiện nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng; về tỷ lệ lớp Trung cấp Lý luận chính trị hệ tập trung và không tập trung; về thực hiện quy chế quản lý đào tạo, bồi dưỡng và các quyết định khác về đào tạo bồi dưỡng; về kết quả đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng...

**4. Hoạt động nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn**

Nêu các số liệu chủ yếu, đánh giá khái quát về công tác nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn; về thực hiện nghiên cứu đề tài khoa học cấp trường, cấp tỉnh trở lên; hội thảo, tọa đàm cấp trường, cấp tỉnh trở lên; việc chuyển giao kết

quả nghiên cứu, việc báo cáo kiến nghị từ kết quả nghiên cứu đề tài cấp tỉnh trở lên; việc thực hiện xuất bản sách, bản tin; xây dựng và cập nhật trang thông tin điện tử của trường...

**5. Xây dựng văn hóa trường đảng, thực hiện kỷ luật, kỷ cương**

Nêu các số liệu chủ yếu, đánh giá khái quát về xây dựng tiêu chí văn hoá ứng xử; việc tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc được khen thưởng cấp tỉnh và tương đương trong thực hiện văn hóa công sở, văn hóa trường Đảng; việc tham gia phong trào thi đua, xây dựng mô hình điển hình tiên tiến trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, tổng kết thực tiễn; việc thực hiện tốt học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh; về kết quả thực hiện nhiệm vụ của tổ chức đảng, đoàn thể, tập thể nhà trường; việc thực hiện quy chế dân chủ...

**6. Cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật và tài chính**

Nêu các số liệu chủ yếu, đánh giá khái quát về cơ sở vật chất kỹ thuật, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ học tập, bảo đảm chất lượng giảng dạy; diện tích sử dụng của các công trình; việc thực hiện công tác tài chính.....

[Báo cáo có kèm theo biểu số 1 (nếu đánh giá chuẩn mức 1) hoặc biểu số 2 (nếu đánh giá chuẩn mức 2)]

**III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Nơi nhận:

- .....,
- Lưu:.....

**HIỆU TRƯỞNG**

**XÁC NHẬN CỦA THƯỜNG TRỰC TỈNH ỦY/THÀNH ỦY.....**

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....



**T/M BAN THƯỜNG VỤ**